



Review Article

Food Safety and Civil Liability of the Enterprise from the Comparative Law Perspective

Nguyen Thi Phuong Cham *

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 12 April 2019

Revised 25 May 2019; Accepted 20 June 2019

Abstract: Civil liability, as a method to directly protect the rights and legitimate interests of consumers, plays an important role in improving the legal provisions on food safety. However, the legal issues related to civil liability in general and, especially, civil liability in the field of food safety, remain highly controversial by the diversity of relationships among the subjects in the process of production, circulation and consumption. The paper focuses on: (1) Clarifying theoretical and practical provisions applied from the comparative law perspective, thus pointing out the problems that exist in the legal system in general and in the Vietnamese legal system in particular, on civil liability in the field of food safety; (2) Suggesting some comprehensive solutions for the purpose of introducing civil liability mechanisms, such as protecting the rights and interests of consumers in a practical and effective way; preventing violations of business in the context of science and technology development; and risk dispersion based on the theory of the balance of interests of civil legal subjects.

Keywords: Food safety, civil liability, tort law, product liability.

* Corresponding author.

E-mail address: chamnguyen1706@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4192>



An toàn thực phẩm và trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp

Nguyễn Thị Phương Châu*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 04 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 5 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2019

Tóm tắt: Với tư cách là phương thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng một, trách nhiệm dân sự đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hoá quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, các vấn đề pháp lý liên quan tới trách nhiệm dân sự nói chung, và đặc biệt trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực an toàn thực phẩm nói riêng vẫn tồn tại rất nhiều tranh luận. Bài viết tập trung làm sáng tỏ: (1) Cơ sở lý luận, luật thực định và thực tiễn áp dụng quy định luật từ góc nhìn pháp luật so sánh; (2) Gợi mở một số giải pháp hoàn thiện với mục đích đưa cơ chế trách nhiệm dân sự thực hiện được đúng chức năng như: Bảo vệ quyền và lợi ích người của tiêu dùng một cách thiết thực và hữu hiệu; Ngăn chặn hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển; Phân tán rủi ro dựa trên lý thuyết cân bằng lợi ích của các chủ thể pháp luật dân sự.

Từ khóa: An toàn thực phẩm, trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm sản phẩm.

1. Trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng

1.1. Trách nhiệm Bồi thường thiệt hại dựa trên hợp đồng

Thông qua hợp đồng chủ thể với chủ thể cùng nhau xác lập mối quan hệ pháp lý (quyền và nghĩa vụ), để giải quyết tranh chấp pháp sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên

trong quan hệ hợp đồng, như là giải pháp giải quyết tranh chấp pháp luật về hợp đồng quy định bên không thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng phải gánh trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm do không thực hiện nghĩa vụ được phân loại thành: Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm do không có khả năng thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm do thực hiện nghĩa vụ không đúng, không đầy đủ. Đối với từng phân loại không thực hiện nghĩa vụ sẽ dẫn tới hậu quả pháp lý bên có quyền có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại.

Liên quan đến các vấn đề an toàn thực phẩm, người tiêu dùng có quyền yêu cầu bên

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: chamnguyen1706@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4192>

cung cấp dịch vụ, bên bán sản phẩm hàng hoá kém chất lượng gây ra hậu quả xâm hại sức khoẻ, tính mạng phải bồi thường thiệt hại do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp bán hàng không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ phát sinh dựa trên hợp đồng.

Bên cạnh đó, trong pháp luật dân sự còn quy định trách nhiệm bảo đảm khuyết tật của bên bán đối với bên mua, trong trường hợp sản phẩm có khuyết tật sau khi hàng được chuyển giao cho bên mua, bên mua có quyền truy cứu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bên bán cho dù trong trường hợp này rất khó chứng minh bên bán vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng dựa trên lỗi đề yêu cầu bồi thường thiệt hại.

1.2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại dựa trên hành vi bất hợp pháp (Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng)

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại dựa trên hành vi bất hợp pháp còn được gọi là trách nhiệm “bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” (BTTH ngoài hợp đồng). Đây là khái niệm được xây dựng dựa trên hành vi bất hợp pháp, là trách nhiệm luật định đối với chủ thể pháp luật dân sự với tư cách là hậu quả pháp lí được quy thuộc cho chủ thể khi thực hiện hành vi xâm hại quyền tài sản, quyền nhân thân (quyền và lợi ích hợp pháp) của chủ thể khác. Và trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng có những đặc điểm pháp lí sau khi phân biệt với trách nhiệm BTTH dựa trên hợp đồng. (1) Thứ nhất, BTTH ngoài hợp đồng là hậu quả pháp lí mà pháp luật quy định khi thấy rằng chủ thể nên gánh chịu khi vi phạm nghĩa vụ mang tính luật. Việc vi phạm những nghĩa vụ này sẽ dẫn tới trách nhiệm BTTH. (2) Thứ hai, BTTH ngoài hợp đồng với điều kiện cần là tồn tại hành vi bất hợp pháp (Hành vi xâm hại). Do vậy, không có hành vi bất hợp pháp không thể quy trách nhiệm BTTH đối với chủ thể. Mục đích hình thành trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng đó là pháp luật dân sự xem loại trách nhiệm này như một trách nhiệm dân sự đối với những hành vi

bất hợp pháp và qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác khi chịu những thiệt hại do hành vi bất hợp pháp đem lại (bù đắp thiệt hại về tài sản và tinh thần). (3) Thứ ba, trong mối tương quan so sánh với trách nhiệm dân sự dựa trên hợp đồng, trách nhiệm dân sự dựa trên hành vi bất hợp pháp (BTTH ngoài hợp đồng) là trách nhiệm dân sự độc lập, riêng rẽ với đặc tính cưỡng chế mang tính luật rất mạnh. Khác với trách nhiệm dựa trên hợp đồng với nền tảng pháp lí là sự thoả thuận giữa các bên, trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng dựa trên pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng - được quy định tại BLDS và tại các luật chuyên ngành như Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật chất lượng hàng hoá, Luật vệ sinh an toàn thực phẩm...[1, 18]. Và nếu nhìn dưới góc độ nội dung, pháp luật BTTH ngoài hợp đồng được quy định bởi cấu trúc phân chung và phần riêng. Những quy định chung và quy định riêng được xây dựng khác nhau về nội dung như điều kiện xác lập trách nhiệm BTTH, nguyên tắc quy trách nhiệm, kháng biện của bị đơn đề miễn trách nhiệm... bởi mục đích khác nhau của các quy định pháp luật này. Mục đích của quy định chung hướng tới điều chỉnh các hành vi bất hợp pháp dưới dạng thức tổng quát, toàn diện, trong khi đó quy định riêng hướng tới điều chỉnh hành vi cụ thể, được đặc định hoá. Do vậy, nghĩa vụ chung về BTTH ngoài hợp đồng được xây dựng trên nguyên tắc trách nhiệm dựa trên lỗi¹, và bị đơn (người gây hại) có thể miễn nghĩa vụ trong trường hợp chứng minh được do sự cố ý của người bị hại, do lỗi của người thứ ba, trong tình thế cấp thiết hoặc phòng vệ chính đáng. Trong khi đó, trách nhiệm BTTH tại phần riêng được xây dựng với mục đích phần lớn nghiêng về chính sách công bởi một thể chế lập pháp độc lập thông qua các luật chuyên ngành bổ sung cho các quy định riêng về BTTH ngoài hợp đồng tại BLDS. Qua đó, thông thường đó là trách nhiệm nghiêm ngặt, trách nhiệm không dựa trên lỗi, và về giới hạn trách nhiệm cũng

¹ Điều 1382 BLDS Pháp, Khoản 1 Điều 823 BLDS Đức, Điều 709 BLDS Nhật Bản.

như miễn trách nhiệm phải dựa trên quy định của luật [1, 18-19].

1.3. *Tiểu kết về căn cứ pháp lý xoay quanh trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp*

a. *Trách nhiệm dựa trên hợp đồng*

- Thời kì đầu: Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ của bên bán (Trách nhiệm dựa trên lỗi của người bán).

- Tiến triển: Trách nhiệm đảm bảo khuyết tật của bên bán (trách nhiệm không dựa trên lỗi).

b. *Trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng*

- Thời kì đầu: Trách nhiệm BTTH do hành vi bất hợp pháp được quy định tại phân chung BLDS (Trách nhiệm dựa trên lỗi).

- Tiến triển: Trách nhiệm BTTH dựa trên trách nhiệm sản phẩm (trách nhiệm không dựa trên lỗi).

c. *Trách nhiệm dựa trên luật định, cụ thể được quy định tại các luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm dựa trên đặc tính riêng biệt của đối tượng là thực phẩm*

2. **Trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp về an toàn thực phẩm dưới mô hình cụ thể trong quan hệ với người tiêu dùng**

Trong quan hệ giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp chế biến, bảo quản, vận chuyển, phân phối, bán lẻ là một chuỗi các mối quan hệ trong suốt quá trình sản xuất và lưu thông.

Nhìn chung mối quan hệ này được thể hiện dưới các mô hình sau:

* Mô hình (1) : Nhà sản xuất, nhà phân phối bán buôn, nhà bán lẻ, người tiêu dùng

* Mô hình (2): Nhà cung cấp nguyên vật liệu (có thể nguyên liệu nhập khẩu), nhà phân phối buôn, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến thực phẩm (nhà hàng, khách sạn...), người tiêu dùng

* Mô hình (3): Người bán hàng, sàn giao dịch điện tử trung gian (thị trường giao dịch tập trung), người tiêu dùng. Đây là mô hình lưu

thông, tiêu dùng mới và đặc biệt phát triển mạnh trong thời đại công nghệ số. Mô hình lưu thông được dự báo còn nhiều tiềm năng phát triển trước cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Các mô hình trên đều thể hiện mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, trước hiện trạng xã hội về an toàn thực phẩm, bảo vệ quyền lợi tiêu dùng thông qua chất lượng thực phẩm bảo đảm ngày càng được xã hội quan tâm. Một trong những cơ sở nền tảng pháp lý nâng cao niềm tin của người tiêu dùng đối với doanh nghiệp nói riêng, xã hội nói chung với tư cách là giải pháp bù đắp thiệt hại cho người tiêu dùng không thể không bàn tới vấn đề trách nhiệm dân sự.

2.1. *Phân tích trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất, lưu thông ở mô hình 1.*

2.1.1. *Vấn đề pháp lý xoay quanh mối quan hệ giữa người người tiêu dùng và doanh nghiệp*

Thứ nhất, chủ thể phải đảm bảo tính an toàn của thực phẩm đó là người sản xuất, người chế biến. Nhà sản xuất có nghĩa vụ phải nỗ lực chú ý sao cho không sản xuất, chế biến thực phẩm có hại trong quá trình sử dụng chất phụ gia. Cho dù nhà sản xuất không dùng chất độc hại, vẫn tồn tại nghĩa vụ chú ý, thận trọng sao cho ngăn chặn, hạn chế tối đa thực phẩm không trở thành độc hại do lơ là khi sử dụng nguyên vật liệu, cũng như sau một thời gian sử dụng. Hơn thế nữa, nhà sản xuất phải nỗ lực trong việc tuyệt đối không dùng các dụng cụ, bao bì độc hại.

Trong quá trình chế biến nhà sản xuất không được sử dụng nguyên liệu độc hại, không trộn lẫn nguyên liệu được dự liệu mang lại độc hại, giả sử cho dù không phải chất độc hại cũng phải có nghĩa vụ chú ý sao cho không trộn lẫn vật lạ, nguyên vật liệu lạ. Nói tóm lại nhà sản xuất có nghĩa vụ bảo đảm tính an toàn của thực phẩm nói riêng, hàng hoá nói chung.

Trong trường hợp vi phạm các nghĩa vụ trên, sản xuất ra thực phẩm gây hại, doanh nghiệp sản xuất phải có trách nhiệm BTTH cho người bị hại. Và đây là trách nhiệm dân sự

ngoài hợp đồng. Căn cứ pháp lý của trách nhiệm này được quy định tại phần chung về trách nhiệm BTTH do hành vi bất hợp pháp được quy định tại BLDS, hoặc trách nhiệm BTTH dựa trên luật chuyên ngành. Ngày nay hệ thống luật trách nhiệm sản phẩm đóng vai trò quan trọng, và đây được xem là loại trách nhiệm nghiêm ngặt. Do vậy trong trường hợp thực phẩm gây hại cho người tiêu dùng, người tiêu dùng cho dù không chứng minh quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm hại và thiệt hại cũng như yếu tố lỗi của doanh nghiệp, doanh nghiệp cũng khó thoát khỏi trách nhiệm BTTH [2, 25].

Thứ hai, mối quan hệ giữa nhà phân phối, nhà bán hàng và người tiêu dùng.

Trường hợp thực phẩm gây hại cho người tiêu dùng, người tiêu dùng mua sản phẩm quá hạn sử dụng, quá hạn bảo quản thì có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua những phương thức nào? Trong mối quan hệ với doanh nghiệp phân phối, bán trực tiếp cho người tiêu dùng, tồn tại quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, bên mua (người tiêu dùng) có quyền yêu cầu BTTH với căn cứ pháp lý dựa trên hợp đồng. Cụ thể, bên bán phải có nghĩa vụ chuyển giao vật đúng chất lượng và trong trường hợp bên bán vi phạm nghĩa vụ sẽ phát sinh trách nhiệm dân sự như thực hiện nghĩa vụ thay thế, BTTH,... Tuy nhiên đối tượng của hợp đồng là thực phẩm nên tại thời điểm giao kết, thông thường liên quan đến chất lượng sản phẩm, mẫu mã, hình thức, ghi nhãn sản phẩm được bên mua xác nhận, do vậy luận bàn về chủ đề này tiêu chí đánh giá nghĩa vụ xác nhận của bên mua trong mối tương quan nhận định có hay không tồn tại việc vi phạm nghĩa vụ chuyển giao vật đúng chất lượng của bên bán là một trong những vấn đề phức tạp về giao dịch hàng hoá là thực phẩm (Luật thương mại cũng ghi nhận bên mua phải xác nhận chất lượng tại thời điểm giao kết hợp đồng).

Thứ ba, có tồn tại hay không mối quan hệ giữa người tiêu dùng với người bán buôn, đại

lí phân phối hàng hoá không trực tiếp xác lập hợp đồng với người tiêu dùng.

2.1.2. *Án lệ Nhật Bản (Án lệ ngày 27/12/1972 của Toà địa phương Gifu) [3; 87-101]*

Doanh nghiệp chế biến M chuyên sản xuất đậu phụ, sau đó doanh nghiệp bán cho doanh nghiệp bán buôn W, và W bán lại cho doanh nghiệp bán lẻ là R, người tiêu dùng C mua lại sản phẩm từ doanh nghiệp R. Sau đó đậu phụ bị nhiễm vi khuẩn Salmonella (Vi khuẩn đường ruột), gia đình của C bị ngộ độc thực phẩm và là nguyên nhân dẫn đến tử vong của một thành viên trong gia đình. C khởi kiện yêu cầu M, W, R bồi thường thiệt hại. Phán quyết của Toà chấp nhận yêu cầu của C với lí do sau:

Thứ nhất, về trách nhiệm của M đây được xem là trách nhiệm BTTH do hành vi bất hợp pháp (Áp dụng quy định tại phần chung về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng - Điều 709 BLDS Nhật Bản). “Doanh nghiệp M sử dụng trứng làm nguyên vật liệu chế tạo đậu phụ phải biết được trong quá trình sử dụng trứng có khả năng dẫn đến nhiễm khuẩn chủng Salmonella, vì vậy hoặc không sử dụng nguyên vật liệu là trứng, hoặc nếu sử dụng thì trong quá trình chế biến phải thiết lập các biện pháp cần thiết ngăn ngừa nhiễm khuẩn. Tuy nhiên doanh nghiệp M từ trước khi mua đến sau khi mua và chế biến đậu phụ đã không duy trì tình trạng nguyên vật liệu một cách tốt nhất dẫn đến nguyên liệu nhiễm khuẩn. Như vậy doanh nghiệp M vi phạm nghĩa vụ chú ý trong việc thiết lập biện pháp đối với việc ngăn ngừa nhiễm khuẩn do vậy được nhận định có lỗi và tại thời điểm lưu thông sản phẩm, thực phẩm được chế biến đã nhiễm khuẩn và dẫn tới những thiệt hại mà C phải gánh chịu” do vậy tồn tại mối quan hệ nhân quả.

Thứ hai, về trách nhiệm của doanh nghiệp bán lẻ R, đây là trách nhiệm BTTH do vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng (Trách nhiệm BTTH dựa trên hợp đồng).

“Bên bán trong hợp đồng mua bán, không chỉ có nghĩa vụ cung cấp hàng hoá cơ bản (đối tượng của hợp đồng mua bán), mà còn có các nghĩa vụ chú ý sao cho không xâm hại đến lợi

ích về tài sản, sức khỏe, thân thể, sinh mạng của bên mua. Việc giao sản phẩm có khuyết tật đến người mua và trong trường hợp do khuyết tật của sản phẩm bên mua gặp thiệt hại về lợi ích trên thì bên bán phải có nghĩa vụ BTTH cho bên mua trừ trường hợp chứng minh được không vi phạm nghĩa vụ chú ý trên. Và trách nhiệm dựa trên hợp đồng của bên bán không chỉ là trách nhiệm đối với bên mua, mà được giải thích là trách nhiệm dựa trên nguyên tắc thiện trí trung thực là trách nhiệm đối với toàn bộ gia đình bên mua (những người cùng chung sống) được dự liệu mang tính hợp lý về việc sử dụng, tiêu thụ sản phẩm.

Thứ ba, về trách nhiệm của doanh nghiệp bán buôn W, W phải có trách nhiệm BTTH đối với R giống như trách nhiệm trên hợp đồng mà R phải gánh chịu BTTH cho C. Do vậy công nhận cho C thực hiện thế vị quyền yêu cầu BTTH của R đối với W thông qua quyền của chính mình đối với R (Điều 423 BLDS Nhật Bản).

Điều 423 BLDS Nhật Bản cho thấy, người có trái quyền muốn bảo vệ trái quyền của bản thân, có thể thực hiện quyền của bên có nghĩa vụ. Công nhận trong trường hợp R thiếu tiềm lực kinh tế để thực hiện nghĩa vụ BTTH đối với C. Và như vậy C có thể yêu cầu W BTTH với tư cách thực hiện thay yêu cầu của R đối với W [4; 65].

2.2. Phân tích trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất, lưu thông ở mô hình 2

2.2.1. Vấn đề pháp lý xoay quanh các chủ thể liên quan đến trách nhiệm dân sự

Thứ nhất: Người tiêu dùng trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (Nhà hàng, khách sạn...) BTTH. Tuy nhiên, tồn tại một vấn đề pháp lý đó là nền tảng cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý BTTH dựa trên trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, hành vi bất hợp pháp được quy định tại phần chung BLDS hay trách nhiệm sản phẩm được quy định tại luật chuyên ngành. Điểm khác nhau giữa các căn cứ pháp lý trên đó là điều kiện cấu thành trách nhiệm BTTH dựa

trên trách nhiệm sản phẩm ko yêu cầu điều kiện lỗi.

Án lệ của Toà địa phương Tokyo ngày 13/12/2002 công nhận thực phẩm được chế biến được xem là sản phẩm, và công nhận trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ ăn uống là trách nhiệm BTTH dựa trên trách nhiệm sản phẩm [5,14].

Thứ hai: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (doanh nghiệp chế biến) yêu cầu nhà cung cấp nguyên liệu BTTH (Căn cứ pháp lý là: trách nhiệm BTTH dựa trên trách nhiệm sản phẩm, hoặc có thể dựa trên hành vi bất hợp pháp tại phần chung BLDS). Về căn cứ pháp lý mối quan hệ giữa trách nhiệm BTTH dựa trên trách nhiệm sản phẩm và dựa trên hành vi bất hợp pháp trong quy định tại BLDS là mối quan hệ giữa luật chung và luật riêng liên quan đến điều kiện cấu thành, cơ chế miễn trừ trách nhiệm.

Bên cạnh đó doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ăn uống có quyền yêu cầu nhà phân phối bán buôn BTTH dựa trên hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, tồn tại vấn đề pháp lý xoay quanh căn cứ pháp lý của trách nhiệm doanh nghiệp trong hợp đồng đó là trách nhiệm dựa trên sự vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng hay trách nhiệm dựa trên trách nhiệm bảo đảm khuyết tật. Về cơ sở lý luận, trách nhiệm bảo đảm khuyết tật có nhiều thuyết tồn tại, có quan điểm cho rằng đây là trách nhiệm phát sinh trong hợp đồng, cũng có quan điểm cho rằng đây là trách nhiệm luật định [6; 46-50]. Song không thuyết nào phủ nhận vai trò của loại trách nhiệm này, và đây được xem là cơ chế hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua được xây dựng dựa trên chủ nghĩa trách nhiệm không lỗi khác với trách nhiệm phát sinh do vi phạm hợp đồng [6; 46-50].

2.2.2. Án lệ Nhật Bản

Một án lệ gần đây của Nhật Bản phủ nhận trách nhiệm của bên bán khi cung cấp nguyên liệu cho nhà hàng có nhiễm khuẩn dựa trên căn cứ pháp lý vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng vì rất khó xác định thời điểm thực hiện nghĩa vụ bên bán không thực hiện đúng nghĩa vụ giao vật

nếu không phù hợp với mục đích, chất lượng đã được các bên thoả thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng. Đặc biệt đối với thực phẩm tươi sống, giai đoạn nào là thực phẩm bị nhiễm khuẩn, trước khi các bên thực hiện nghĩa vụ hay sau khi các bên đã hoàn tất nghĩa vụ là vấn đề không dễ xác định. Song, án lệ công nhận yêu cầu BTTH của nguyên đơn với lí do bị đơn vi phạm trách nhiệm bảo đảm khuyết tật (Án lệ Tòa địa phương Yokohama ngày 16/12/2003²).

2.3. Phân tích trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất, lưu thông ở mô hình 3

2.3.1. Vấn đề pháp lí xoay quanh mối quan hệ các chủ thể

Thứ nhất, về mối quan hệ giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp bán sản phẩm. Đây là mối quan hệ dựa trên hợp đồng mua bán vì vậy người tiêu dùng có quyền yêu cầu doanh nghiệp bán hàng BTTH nếu thực phẩm thiếu tính an toàn, không đảm bảo chất lượng, có khuyết tật dẫn đến thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ. Và đây là trách nhiệm dựa trên hợp đồng, có thể căn cứ đó là vi phạm nghĩa vụ của bên bán hoặc trách nhiệm đảm bảo khuyết tật của bên bán.

Thứ hai, về mối quan hệ giữa người tiêu dùng và sàn giao dịch tập trung, sàn giao dịch điện tử. Tuy nhiên bản chất pháp lí của mối quan hệ này là gì? Là vấn đề pháp lí không thể thiếu khi đề cập đến trách nhiệm của các bên. Hiện nay, về cơ bản phủ nhận quan hệ hợp đồng giữa hai chủ thể này. Vì vậy trong trường hợp phát sinh thiệt hại người tiêu dùng chỉ có thể yêu cầu BTTH dựa trên căn cứ pháp lí hành vi bất hợp pháp được quy định tại phần chung BLDS (rõ ràng luật trách nhiệm sản phẩm không thể áp dụng đối với mối quan hệ này). Tuy nhiên, cùng với giới hạn của căn cứ pháp lí này người tiêu dùng khó có thể được bù đắp thiệt hại khi phải chứng minh tồn tại các điều

kiện cấu thành trách nhiệm BTTH như hành vi xâm hại, lỗi, thiệt hại và mối quan hệ giữa hành vi xâm hại và thiệt hại. Có hay chăng người tiêu dùng chỉ có thể trực tiếp yêu cầu sàn giao dịch tập trung, sàn giao dịch điện tử, internet BTTH thông qua cơ chế thể vị của chủ thể có quyền theo án lệ của Nhật [4, 65] (Cụ thể người tiêu dùng có quyền yêu cầu BTTH đối với bên bán dựa trên sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, trong trường hợp bên bán có quyền yêu cầu sàn giao dịch BTTH do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mình, thì người tiêu dùng có quyền thể vào vị trí của bên bán yêu cầu trực tiếp sàn giao dịch BTTH).

2.3.2. Tham chiếu pháp luật nước ngoài

Đối với mối quan hệ này Luật an toàn thực phẩm Trung Quốc sửa đổi 2015³ đã luật hoá trách nhiệm của sàn giao dịch điện tử, sàn giao dịch tập chung như sau:

Thứ nhất: Người thiết lập thị trường giao dịch tập chung, nhà chủ trì hội trợ triển lãm... có trách nhiệm BTTH liên đới với người bán hàng (theo Điều 130).

Thứ hai: Người cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thông qua hệ thống Internet phải liên đới bồi thường (theo Khoản 2 Điều 131).

Thứ ba: Người cung cấp hệ thống internet (sàn giao dịch) là chủ thể đầu tiên có trách nhiệm BTTH với người tiêu dùng, trong trường hợp nếu không thể cung cấp tên chính xác của nhà bán thực phẩm, địa chỉ và cách thức liên lạc hữu hiệu nhất. Sau khi bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng có quyền yêu cầu doanh nghiệp bán thực phẩm, doanh nghiệp chế biến thực phẩm hoàn trả số tiền bồi thường trên (theo Khoản 3 Điều 131).

3. Pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

Luật về An toàn thực phẩm 2010 cũng như Nghị định của chính phủ số 15/2018/NĐ-CP về

² Tổ tụng, án lệ liên quan đến công nghiệp thực phẩm <http://www.companymng-risk.com/compensation/restaurant/case.html> (Truy cập ngày 11/12/2018).

³http://japanese.agri.gov.cn/flfg/201512/t20151208_163643.htm.

Quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật an toàn thực phẩm không có quy định liên quan tới trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp. Vậy liên quan đến vấn đề này về cơ bản căn cứ pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam dựa trên BLDS 2015, các luật chuyên ngành liên quan đến trách nhiệm sản phẩm như Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Luật chất lượng hàng hoá.

Tuy nhiên, liên quan đến trách nhiệm đảm bảo khuyết tật, trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng, hiện nay pháp luật Việt Nam thiếu sự đồng bộ về điều kiện cấu thành, cơ chế miễn trừ trách nhiệm.

3.1. Trách nhiệm đảm bảo khuyết tật

Điều 445 BLDS 2015 không thể hiện rõ ràng nội hàm cơ bản của quy định về trách nhiệm đảm bảo khuyết tật phải giải quyết được các vấn đề như sau: (1) Khái niệm khuyết tật; (2) Điều kiện cấu thành trách nhiệm là trách nhiệm không lỗi. (3) Các cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong mối cân bằng lợi ích giữa bên mua và bên bán. Với quy định tại Điều a Khoản 3 Điều 445 BLDS 2015, các trường hợp miễn trừ trách nhiệm phải chăng có thể lý giải nếu trong trường hợp bên mua có lỗi dẫn tới việc không biết khuyết tật. Với cách lý giải như vậy sẽ dẫn tới một phạm vi vô hạn định về cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp. Và đặc biệt trong vấn đề an toàn thực phẩm, người mua có nghĩa vụ tìm hiểu tính an toàn này đến đâu. Chính lý do các quy định không rõ nghĩa, thiếu tính đồng bộ là một trong các nguyên nhân dẫn tới hệ lụy vai trò của trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong lĩnh vực an toàn thực phẩm không được phát huy, nói cách khác hầu như không thực hiện được chức năng của mình đối với nhu cầu xã hội, thực tiễn cho thấy đến tận thời điểm này người tiêu dùng chưa thể bảo vệ quyền và lợi ích của mình thông qua phương thức yêu cầu doanh nghiệp BTTH.

Việc nghiên cứu lý luận chuyên sâu, nghiên cứu pháp luật so sánh dưới góc độ luật thực định và thực tiễn áp dụng pháp luật mang lại ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện hoá quy

định của pháp luật về trách nhiệm dân sự nói chung, trách nhiệm BTTH nói riêng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

3.2. Trách nhiệm sản phẩm

Nội hàm các quy định tại các văn bản pháp luật liên quan đến trách nhiệm sản phẩm như Luật chất lượng hàng hoá (Luật CLHH) và Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Luật BVQLNTD) về bản chất đã chứa đựng những vướng mắc, mâu thuẫn liên quan đến nội dung trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng.

- Về mối quan hệ giữa quy định tại Luật BVQLNTD và Luật CLHH có sự xung đột nhau về điều kiện xác lập nghĩa vụ BTTH ngoài hợp đồng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và nhà phân phối đối với người tiêu dùng. Nếu như quy định tại Luật BVQLNTD chỉ ra rằng nguyên tắc của nghĩa vụ BTTH ngoài hợp đồng trong trường hợp này là nguyên tắc trách nhiệm không dựa trên lỗi thì ngược lại với quy định tại Điều 61 Luật CLHH lại khẳng định nguyên tắc trách nhiệm dựa trên lỗi.

- Bên cạnh đó, quy định tại Luật BVQLNTD cũng tồn tại những xung đột thể hiện sự thiếu sự đồng bộ trong các quy định của Luật.

Về lý luận khoa học thì dựa trên tiêu chí yếu tố lỗi. Trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng được phân loại như sau:

+ Trách nhiệm BTTH dựa trên lỗi (nghĩa vụ lập chứng thuộc về người bị hại).

+ Trách nhiệm BTTH chuyển giao nghĩa vụ chứng minh lỗi hay còn gọi là trách nhiệm trung gian giữa trách nhiệm dựa trên lỗi và trách nhiệm không dựa trên lỗi (người gây hại được suy đoán có lỗi và chỉ trong trường hợp chứng minh được không có lỗi người gây hại không phải chịu trách nhiệm BTTH).

+ Trách nhiệm BTTH dựa trên trách nhiệm nghiêm ngặt (không dựa trên lỗi, song không phải hoàn toàn bỏ yếu tố lỗi vì vẫn tồn tại song song quy định miễn trừ nghĩa vụ dựa trên nguyên lý rủi ro phát triển).

+ Trách nhiệm BTTH không dựa trên lỗi (Cơ chế miễn trừ không được áp dụng hoặc nếu có thì phạm vi rất hẹp như trong trường hợp bất khả kháng).

Với quy định tại Điều 23 Luật BVQLNTD, và dẫn chiếu Điều 24 Luật BVQLNTD, liên quan đến nghĩa vụ BTTH dựa trên trách nhiệm sản phẩm, pháp luật Việt Nam đồng bộ với pháp luật các nước trên cơ sở nhìn nhận đây là một loại trách nhiệm nghiêm ngặt. Tuy nhiên, quy định tại Khoản 2 Điều 42 phá vỡ những nhận định trên bởi một quy định không rõ nghĩa khi quy định “nghĩa vụ chứng minh không có lỗi thuộc về nhà sản xuất”. Việc quy định nghĩa vụ lập chứng đối với nhà sản xuất nhưng không có giải pháp của luật kèm theo với tư cách là hậu quả pháp lí dẫn đến một câu hỏi: Vậy nghĩa vụ BTTH ngoài hợp đồng quy định tại Luật BVQLNTD là nghĩa vụ BTTH dựa trên lỗi nhưng chuyển giao nghĩa vụ lập chứng liên quan đến lỗi và hậu quả pháp lí là khi nhà sản xuất chứng minh mình không có lỗi sẽ được miễn trừ trách nhiệm BTTH, hay đây là nghĩa vụ BTTH ngoài hợp đồng dựa trên trách nhiệm nghiêm ngặt và việc chứng minh không có lỗi của nhà sản xuất chỉ có ý nghĩa trong việc xác định thiệt hại.

Có thể thấy, Điều 42 quy định về nghĩa vụ lập chứng liên quan đến điều kiện lỗi dẫn tới sự mâu thuẫn trong cách lí giải yếu tố lỗi trong điều kiện xác lập nghĩa vụ BTTH ngoài hợp đồng trong trường hợp thiệt hại do sản phẩm, hàng hoá gây ra.

4. Giải quyết vấn đề

4.1. Trách nhiệm đảm bảo khuyết tật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

Cũng giống như trách nhiệm sản phẩm, trách nhiệm bảo đảm khuyết tật của bên bán cũng tồn tại những giới hạn nhất định trước thời đại mới.

Về bản chất của loại trách nhiệm dân sự này, vẫn tồn tại hai quan điểm: (1) Thứ nhất cho rằng: đây là phân loại trách nhiệm dựa trên

hợp đồng một trong những loại trách nhiệm dân sự do bên bán không thực hiện được nghĩa vụ đối với bên mua; (2) Thứ hai cho rằng: đây là trách nhiệm luật định.

Nhưng với nền tảng lí luận nào thì cơ bản trong mọi hệ thống pháp luật đều công nhận đây là loại trách nhiệm dân sự không dựa trên lỗi, và song song công nhận cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho bên bán.

Song liên quan đến an toàn thực phẩm, khi bàn về vai trò loại trách nhiệm dân sự này của doanh nghiệp (bên bán) ngày nay đặt ra nhiều vấn đề tồn tại, như nếu có tồn tại lỗi của bên mua có hay không là điều kiện miễn trừ trách nhiệm cho bên bán.

Trong danh mục phải ghi nhãn sản phẩm đối với sản phẩm đóng gói là hạn sử dụng hoặc hạn bảo quản. Đối với trường hợp ghi hạn bảo quản thì cho dù quá thời hạn bảo quản thực phẩm không có nghĩa là không thể lưu thông và không thuộc phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp chế biến, trong trường hợp này cụ thể doanh nghiệp chế biến không vi phạm khuyết tật do có chỉ dẫn cụ thể. Vậy một sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhưng quá thời hạn bảo quản thì quyền lợi của người tiêu dùng được bảo vệ đến đâu [7; 169].

Trường hợp này nếu áp dụng chế tài trách nhiệm dân sự truyền thống như BTTH ngoài hợp đồng (Pháp luật về trách nhiệm sản phẩm), cũng như trách nhiệm vi phạm nghĩa vụ dựa trên hợp đồng của bên bán về cơ bản khả năng không thể áp dụng.

Một giải pháp đặt ra đó là liệu rằng có hay không việc áp dụng trách nhiệm đảm bảo khuyết tật để bảo vệ quyền và lợi ích người tiêu dùng. Hiện nay mô hình trách nhiệm đảm bảo khuyết tật được quy định tại Bộ luật dân sự Đức (BGB) sau khi sửa đổi phần trái quyền năm 2002 đang được xem là mô hình pháp lí điển hình có sự hài hoà hoá pháp luật quốc gia với chỉ thị của EU về các vấn đề bảo vệ người tiêu dùng [8; 219].

Theo Điều 459 BGB đưa ra định nghĩa về khuyết tật, và Điều 460 BGB quy định các

trường hợp miễn trừ trách nhiệm cho bên bán: (1) Trong trường hợp người mua biết khuyết tật; (2) người mua không biết do lỗi nặng từ trường hợp người bán biết mà không thông báo, và trường hợp người bán có điều khoản đảm bảo không có khuyết tật.

Với quy định tương tự như tương đối rõ nghĩa, song trong thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm, đặc biệt vấn đề về thời hạn bảo quản thực phẩm không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc. Cụ thể, trường hợp sản phẩm quá hạn bảo quản khi mà không chắc chắn rằng ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm, thì cho dù thời hạn này đã được ghi rõ trên nhãn mác sản phẩm “Sử dụng tốt nhất trước ngày” việc người tiêu dùng vẫn mua khi quá hạn có phải thuộc trường hợp miễn trách nhiệm cho doanh nghiệp bán khi nhận thấy tồn tại yếu tố “người mua biết khuyết tật” hoặc “người mua không biết do lỗi nặng” hay không?

Về vấn đề này hiện nay giới luật học Đức tồn tại ba quan điểm như sau:

(1) *Quan điểm thứ nhất dựa trên* phân loại người tiêu dùng tự phục vụ (self-service) hoặc người tiêu dùng được phục vụ mà luận giải khác nhau [7; 171].

Trường hợp người tiêu dùng tự phục vụ thì người mua có thể tự xác nhận được hạn bảo quản do vậy người tiêu dùng cũng phải nhận thức. Và việc tự xác nhận thời hạn đối với người mua không khó (trừ trường hợp việc ghi nhãn này khó đọc do mờ, hoặc rơi mất nhãn mác), do vậy việc không biết được xem là do lỗi nặng.

Ngược lại, trường hợp mua được phục vụ, với bản chất khác với trường hợp tự phục vụ, nhân viên mang sản phẩm đến cho khách hàng thì việc bán sản phẩm chưa quá hạn bảo quản là điều mong đợi của người tiêu dùng. Do vậy đương nhiên không tồn tại nghĩa vụ kiểm tra của người mua, và không xem việc không biết là do lỗi nặng của người mua.

Liên quan đến điều kiện chủ quan của bên bán, bên bán không thể được miễn trừ trách

nhiệm BTTH nếu biết mà không thông báo, và trong trường hợp tự phục vụ thì quan điểm này cho rằng người mua không khó trong việc kiểm tra nên không tồn tại nghĩa vụ giải trình của người bán, bởi lẽ thông thường trường hợp này người bán được xem không ác ý. Như vậy quan điểm này cho rằng, trong hoạt động mua bán tự phục vụ người mua có lỗi nặng, người bán không có nghĩa vụ giải thích về sản phẩm được ghi rõ nhãn mác nên không được xem là cố ý im lặng (biết mà không thông báo) và thông thường loại bỏ trách nhiệm đảm bảo khuyết tật.

Tuy nhiên đối với quan điểm này, rõ ràng tồn tại các vấn đề sau: Trong trường hợp người mua nếu mua với khối lượng lớn liệu rằng có thể xác nhận được toàn bộ sản phẩm, hàng hoá không? Trẻ em, người cao tuổi, người nước ngoài, người có vấn đề về trí tuệ, người không biết chữ...trong trường hợp này có lí do đặc biệt thì đối với vấn đề việc không biết là có lỗi nặng có phù hợp không?

(2) *Quan điểm thứ hai cho rằng* [7; 173]

Về việc xác định có hay không lỗi nặng của người mua phải dựa trên tiêu chí phán đoán tại thời điểm giao kết hợp đồng có hay không nghĩa vụ kiểm tra của người mua. Cơ bản người mua không có nghĩa vụ kiểm tra sản phẩm, chỉ dưới những điều kiện đặc biệt thì tùy từng trường hợp dựa trên nguyên tắc thiện trí trung thực là căn cứ xác định nghĩa vụ kiểm tra và chỉ khi do bất cẩn vi phạm nghĩa vụ này mới được xem có tồn tại lỗi nặng của bên mua khi không biết đến khuyết tật của sản phẩm.

Quan điểm thứ hai cho rằng nhận định có hay không lỗi nặng của người mua không phải xét từ thực trạng của quan hệ mua bán như tự phục vụ hay được phục vụ, mà cần thiết phải nghiên cứu từ quan điểm có cần thiết hay không khi công nhận nghĩa vụ của người mua phải kiểm tra hàng hoá, sản phẩm. Quan trọng hơn thước đo khi cân nhắc có hay không nghĩa vụ này phải dựa trên một tiêu chí căn bản đó là cân bằng lợi ích giữa bên bán và bên mua. Và khi thấy rằng, người bán cần phải thận trọng với đối tượng sản phẩm hàng hoá của mình liên

quan đến hạn bảo quản, điều đó đồng nghĩa với việc phủ nhận nghĩa vụ kiểm tra của người mua. Do vậy dù nhãn mác có ghi đầy đủ thông tin về thời hạn bảo quản cũng không phải là căn cứ xác định người mua mặc nhiên phải biết và việc không biết là do lỗi nặng.

Vậy, trong khi cách luận giải của quan điểm thứ nhất, không công nhận trách nhiệm đảm bảo của doanh nghiệp khi cho rằng có tồn tại lỗi nặng của người mua đối với trường hợp mua tại các cửa hàng tiện ích, siêu thị (người mua tự phục vụ), bởi lẽ từ thực trạng người mua có thể dễ dàng xác nhận được các thông tin trên sản phẩm. Ngược lại quan điểm thứ hai cho rằng, nhận định có hay không lỗi nặng thì trước hết phải nghiên cứu dưới dạng thức có hay không tồn tại nghĩa vụ. Và trên thực tế cho dù người mua có thể xác nhận được thông tin trên nhãn mác, nhưng không nên xem đó là nghĩa vụ, do vậy người mua có lỗi là việc xác nhận lại thông tin về hạn sử dụng sản phẩm cũng nên phán đoán đó không phải là lỗi nặng [7; 195].

(3) Quan điểm thứ ba cho rằng [7; 183]

Về cơ chế miễn trừ trách nhiệm đảm bảo khuyết tật cần phải đưa ra luận điểm dựa trên vấn đề phân tán rủi ro, cũng như nghĩa vụ giữa người mua và người bán [7; 195]. Quan điểm thứ ba dựa trên cơ sở lý luận đó là mục đích đẩy nhanh hoạt động giao dịch, thương mại. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ cho bên mua để bảo vệ quyền lợi của bên bán thì cần phải có những tiêu chí đánh giá (giá trị) mang tính tích cực. Quan điểm thứ ba cho rằng cốt lõi của việc đảm bảo thúc đẩy giao dịch đó là hài hoà hoá lợi ích của cả bên mua và bên bán.

Trong khi đó, quan điểm thứ nhất chưa cho thấy được tiêu chí thể hiện sự mong muốn cân bằng lợi ích, quyền và nghĩa vụ giữa bên mua và bên bán.

Vậy thông thường người tiêu dùng mua thực phẩm qua nhà bán lẻ. Và khi lựa chọn sản phẩm trên thị trường, các vấn đề như hạn sử dụng, hạn bảo quản cũng như những thông tin khác là yếu tố quan trọng. Tuy nhiên trước yêu

cầu kinh doanh mới vấn đề xác định quyền và nghĩa vụ giữa bên mua và bên bán về việc xác nhận những thông tin này cũng như nếu xem nó là rủi ro thì vấn đề phân tán rủi ro, là những vấn đề pháp lý mới cần tiếp tục bàn luận liên quan đến chi phí để quản lý sản phẩm của doanh nghiệp, chi phí tiêu hao của bên mua và đương nhiên đặt ra bài toán kinh tế luật ở đây.

4.2. Trách nhiệm sản phẩm và an toàn thực phẩm

Thực phẩm là vật chất liên quan trực tiếp đến sức khoẻ con người. Do vậy yêu cầu về tính an toàn được đặt lên hàng đầu. Những năm gần đây việc chế biến thực phẩm được đặt dưới những dây chuyền sản xuất vô cùng phức tạp, về mặt chế biến thì thực phẩm cũng giống như các sản phẩm hàng hoá khác là đối tượng điều chỉnh của luật trách nhiệm sản phẩm. Dưới góc độ bảo vệ người tiêu dùng, thì việc áp dụng Luật trách nhiệm sản phẩm là cơ chế hữu hiệu thực hiện chức năng của pháp luật BTTH ngoài hợp đồng như bù đắp thiệt hại cho người bị hại. Tuy nhiên, dưới đây cho thấy với những giới hạn như sau:

- Thứ nhất, đối với thiệt hại do thực phẩm gây ra, doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phải BTTH với mức lớn, phạm vi rộng do thiệt hại liên quan trực tiếp tới sức khoẻ, tính mạng người tiêu dùng. Do vậy, tiềm lực tài chính của doanh nghiệp sẽ góp phần vào việc chức năng bù đắp thiệt hại của luật BTTH có được thực hiện hay không? Vì trên thực tế nếu doanh nghiệp không có đủ khả năng kinh tế để thực hiện trách nhiệm BTTH thì quy định của luật cũng không có nhiều ý nghĩa, quyền và lợi ích của người tiêu dùng không được bảo vệ.

- Thứ hai, thực phẩm có sự thay đổi rất lớn theo thời gian, đồng thời một lúc có sự pha trộn, kết hợp của nhiều nguyên vật liệu, rồi tùy từng cơ địa, thể trạng của người tiêu dùng sẽ có những ảnh hưởng khác nhau. Và việc phán đoán những khuyết tật cụ thể trong từng vụ riêng rẽ là cần thiết và không đơn giản, thậm chí rất khó khăn.

- Thứ ba, mối quan hệ giữa an toàn thực phẩm và khuyết tật sản phẩm rất trừu tượng.

Về an toàn thực phẩm, nếu theo quy định của Luật vệ sinh an toàn thực phẩm, pháp luật liên quan đến sử dụng đúng hoá chất trong nông nghiệp... Hay liên quan đến quy cách và chất lượng sản phẩm theo luật về nông lâm nghiệp... thì trong trường hợp doanh nghiệp chế biến, sản xuất thực hiện đúng quy trình về an toàn thì có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hay không? Dưới góc độ lí luận, nhìn chung những quy trình liên quan đến an toàn thực phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định liên quan đến quản lí hành chính như xác định tiêu chuẩn tối thiểu về tính an toàn. Vì vậy việc tuân theo những quy định này có thể trở thành căn cứ để doanh nghiệp sản xuất kháng biện khi chứng minh không tồn tại khuyết tật do thực hiện đúng quy trình an toàn. Và đây được dự báo là một trong những khó khăn trên thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm sản phẩm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

- Thứ tư, song song với trách nhiệm sản phẩm phải công nhận các cơ chế miễn trừ trách nhiệm dựa trên nguyên lí rủi ro phát triển. Vậy liên quan đến công nghệ biến đổi gen thực phẩm đặc biệt trong thời đại công nghệ 4.0, thì việc áp dụng cơ chế rủi ro phát triển sẽ giải quyết ra sao? Trong những trường hợp này cho dù có tồn tại khuyết tật sản phẩm, doanh nghiệp vẫn có khả năng được miễn trừ trách nhiệm nếu chứng minh được tại thời điểm hàng hoá lưu thông, khoa học công nghệ không thể phát hiện được khuyết tật. Thực tế cho thấy rất nhiều ý kiến cho rằng cùng với việc công nhận rủi ro phát triển quyền lợi của người tiêu dùng bị xã hội lơ đi [9; 35].

Mặt khác, nếu không công nhận cơ chế miễn trừ đối với trách nhiệm nghiêm ngặt sẽ tạo ra rào cản đối với phát triển KHCN kéo theo đó ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng với tư cách người thụ hưởng sự tiến bộ KHCN.

Vậy để khắc phục được những giới hạn nêu trên, việc áp dụng trách nhiệm không dựa trên lỗi đối với doanh nghiệp để bảo vệ quyền

lợi người tiêu dùng và cơ chế bảo hiểm hỗ trợ kèm theo là một trong những giải pháp có thể bàn tới.

Thứ nhất, đối với vấn đề an toàn thực phẩm, cũng giống như vấn đề liên quan đến môi trường áp dụng trách nhiệm không lỗi và ngày càng thắt hẹp phạm vi miễn trừ trách nhiệm là cần thiết. Điểm cần lưu ý đó là cho dù công nhận cơ chế miễn trừ dựa trên nguyên lí rủi ro phát triển, sau khi đưa sản phẩm vào lưu thông, nếu biết được khuyết tật của sản phẩm, từ thời điểm đó doanh nghiệp sản xuất phải có nghĩa vụ công bố tính nguy hiểm của sản phẩm, chỉ dẫn, cảnh báo, tùy từng trường hợp cụ thể phải ngừng bán, thu hồi... khi sự cố phát sinh do không thực hiện các nghĩa vụ trên thì phải chịu trách nhiệm BTTH. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận những đặc tính quan trọng của thực phẩm, những tác động của từng nhóm thực phẩm đối với đời sống xã hội cũng khác nhau như thực phẩm cho trẻ em như sữa, đồ ăn, thực phẩm cho người cao tuổi như thực phẩm chức năng... cần phải có những cơ chế xây dựng đặc thù.

Do vậy, nhu cầu minh thị hoá trách nhiệm BTTH của doanh nghiệp trong luật chuyên ngành liên quan đến an toàn thực phẩm khi nhìn nhận Luật an toàn thực phẩm với vai trò ngành luật trung gian giữa luật công và luật tư là cấp thiết.

Thứ hai, song song với việc áp dụng chủ nghĩa trách nhiệm không dựa trên lỗi, không thể thiếu cơ chế bảo hiểm đi kèm. Trên thực tế các quốc gia phát triển như Nhật Bản thúc đẩy cơ chế này rất mạnh mẽ. Dù cơ chế bảo hiểm của các doanh nghiệp liên quan đến thực phẩm là bảo hiểm tự nguyện, nhưng hàng năm có những nghiên cứu và báo cáo danh sách các doanh nghiệp tham gia bảo hiểm công bố rộng rãi và công khai. Thông qua đó ý thức của doanh nghiệp được nâng cao nhìn từ góc độ quản lí rủi ro của doanh nghiệp, niềm tin của người tiêu dùng được củng cố khi lựa chọn sản phẩm tiêu dùng [10; 49]. Và đặc biệt với cơ chế bảo hiểm cùng lúc pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng

thực hiện hai chức năng cơ bản đó là phân tán thiệt hại, bù đắp toàn bộ thiệt hại cho người tiêu dùng. Dưới góc độ lợi ích của doanh nghiệp đây được xem là cơ chế không thể thiếu cho dù vẫn tồn tại những vấn đề nhất định trong cấu trúc quản lý rủi ro của doanh nghiệp [9; 57].

Tài liệu tham khảo

- [1] Xiang Li, Jigang Jin, *Concise Chinese Tort Laws*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg, 2014.
- [2] Niwata Noriaki, Sự cố thực phẩm và vấn đề người tiêu dùng, *Nghiên cứu Thương mại Mitsuda* 27 (3).
- [3] Tạp chí án lệ số 307 (1974) 87-101.
- [4] Nakamura Hiroshi, Vi phạm hợp đồng và phương thức bảo vệ quyền (2), *Tạp chí Đại học Doshisha* 32 (3) (1980).
- [5] Tạp chí Án lệ số 1109; Tạp chí thời báo án lệ số 1805.
- [6] Nozawa, Nghiên cứu pháp luật so sánh trách nhiệm đảm bảo khuyết tật Masamishi (6) - Nhật bản. Pháp. EU, *Tạp chí Luật học Rikkyo* 91 (2015).
- [7] Suzuki Miyako “Hạn bảo quản và trách nhiệm đảm bảo khuyết tật trong luật Đức” *Tuyển tập luận văn đại học ngoại ngữ Tokyo*, 91 (2015).
- [8] Felix Maultzsch, Hướng phát triển mới về trách nhiệm đảm bảo khuyết tật của người bán trong pháp luật Đức và Liên minh Châu Âu, *Tạp chí nghiên cứu pháp luật chính sách* 82 (2).
- [9] Katsuhiko Akabori, Luật trách nhiệm sản phẩm và quản lý rủi ro doanh nghiệp, *Tạp chí luật học Học viện Kobe*, 38 (3,4) (2009) 35.
- [10] Uchida, Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại và sự tham gia của doanh nghiệp đến đâu?, *Tạp chí thứ 6*, 26 (7) (2018).